



TỈNH ỦY BẮC NINH

*

Số 39-CTr/TU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Bắc Ninh, ngày 27 tháng 8 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 28/7/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIV và Chương trình hành động số 33-CTr/TW ngày 28/7/2026 của Bộ Chính trị về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam

Ngày 28/7/2026, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV ban hành Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam; Bộ Chính trị ban hành Chương trình hành động số 33-CTr/TW thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW. Để triển khai thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW, từ thực tiễn tình hình địa phương, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh ban hành Chương trình hành động với những nội dung như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tạo sự thống nhất cao trong lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; nâng cao nhận thức, trách nhiệm và quyết tâm chính trị của các cấp ủy đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và các tầng lớp Nhân dân trong tỉnh về vai trò, tầm quan trọng chiến lược của đổi mới mô hình phát triển đất nước và địa phương.

- Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW thành các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh; tổ chức thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, phấn đấu đưa Bắc Ninh phát triển bứt phá.

2. Yêu cầu

- Bám sát sự lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, các quan điểm chỉ đạo tại Nghị quyết số 19-NQ/TW và Chương trình hành động số 33-CTr/TW; căn cứ tình hình thực tế của tỉnh để cụ thể hóa thành các chương trình, đề án, nhiệm vụ sát thực tiễn, khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế cạnh tranh của tỉnh Bắc Ninh.

- Gắn việc thực hiện Chương trình với Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Ninh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, Quy hoạch tỉnh Bắc Ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và mục tiêu xây dựng thành phố Bắc Ninh xanh, văn minh, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

- Phân công rõ nhiệm vụ, giải pháp gắn với trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu; xác định rõ lộ trình, thời gian hoàn thành, sản phẩm đầu ra; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm và kịp thời bổ sung, cập nhật những nhiệm vụ mới phù hợp với yêu cầu thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, quyết liệt, đoàn kết, đổi mới, sáng tạo trong tổ chức thực hiện.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

1.1. Đến năm 2030

Hoàn thành tạo lập đồng bộ các nền tảng cho mô hình phát triển mới của tỉnh Bắc Ninh; tạo chuyển biến căn bản, toàn diện và đột phá trong đổi mới mô hình phát triển, trên cơ sở đổi mới thể chế kiến tạo phát triển, nâng cao năng lực quản trị địa phương hiện đại, dựa trên dữ liệu; phát triển hệ sinh thái công nghiệp công nghệ cao, trọng tâm là bán dẫn, vi mạch, AI, điện tử thông minh; dịch vụ giá trị gia tăng cao, kinh tế số, kinh tế xanh và kinh tế tuần hoàn. Khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới (không gian ngầm, không gian tầm thấp, không gian số, liên kết vùng Thủ đô). Phát triển toàn diện văn hóa và con người Kinh Bắc thành nguồn lực nội sinh và sức mạnh mềm; bảo đảm an sinh xã hội bao trùm; củng cố quốc phòng, an ninh vững chắc. Xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố xanh, văn minh, hiện đại, mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc.

1.2. Đến năm 2035

Hoàn thành cơ bản quá trình chuyển đổi sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, xanh, thông minh, bền vững và hội nhập; hình thành đồng bộ 07 mô hình thành phần trên các lĩnh vực gắn với thực tiễn đặc trưng của tỉnh Bắc Ninh. Đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm sản xuất công nghiệp công nghệ cao, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo, nghiên cứu và phát triển (R&D) và dịch vụ logistics chất lượng cao của châu Á; vận hành hiệu quả các mô hình phát triển mới gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình. Xây dựng nền quản trị địa phương thông minh, dựa trên dữ liệu và kết quả đầu ra; phát triển xã hội văn minh, kỷ cương, an toàn; bảo đảm môi trường sinh thái bền vững, cơ bản hoàn thành chuyển đổi các khu công nghiệp sinh thái, phát thải thấp; đời sống vật chất, tinh thần và chỉ số hạnh phúc của Nhân dân không ngừng được nâng cao.

1.3. Đến năm 2045

Hoàn thành chuyển đổi toàn diện sang mô hình phát triển tự cường, sáng tạo, nhân văn, bền vững, hội nhập sâu rộng; các mô hình thành phần vận hành đồng bộ, hài hòa, hiệu quả. Xây dựng Bắc Ninh trở thành thành phố xanh, văn minh, hiện đại, giàu bản sắc văn hóa Kinh Bắc; là trung tâm sản xuất công nghệ cao, R&D và đổi mới sáng tạo hàng đầu châu Á; Nhân dân có chất lượng cuộc sống cao, chỉ số hạnh

phúc và mức thu nhập tiệm cận các đô thị hiện đại hàng đầu thế giới; môi trường sinh thái bền vững; quốc phòng, an ninh được bảo vệ vững chắc.

2. Định hướng tầm nhìn đến năm 2130

Trở thành đô thị tri thức, thông minh, xanh hàng đầu khu vực; trung tâm sản xuất công nghệ cao, R&D và sáng tạo công nghệ thế giới; xã hội thịnh vượng, hạnh phúc; văn hóa Kinh Bắc vươn tầm toàn cầu.

3. Chỉ tiêu cụ thể

Bao gồm 31 chỉ tiêu cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Chương trình hành động này để đánh giá kết quả thực hiện đổi mới mô hình phát triển đến năm 2030, năm 2035 và năm 2045.

III- CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Công tác xây dựng Đảng, thể chế, quản trị địa phương và hoàn thiện hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả

- *Về đổi mới phương thức lãnh đạo và quản trị địa phương:* Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; lấy năng lực lãnh đạo, hoạch định chính sách, kiến tạo thể chế, tổ chức thực thi, tự chỉnh đốn và tự đổi mới sáng tạo làm trọng tâm. Thực hiện phương châm “*Lãnh đạo mở đường bằng tầm nhìn chiến lược, cán bộ kiến tạo bằng tham mưu chuyên sâu*” và nguyên tắc “*3 không, 3 có*” trong công tác tham mưu (không sao chép máy móc - có tư duy phản biện; không đùn đẩy trách nhiệm - có đề xuất phương án giải quyết triệt để; không tham mưu chung chung - có đánh giá rủi ro, nguồn lực và lộ trình thực hiện). Đổi mới toàn diện công tác cán bộ, chuyển từ đánh giá cảm quan, định tính sang đánh giá thực chất, dựa trên dữ liệu, tiêu chí, kết quả và sản phẩm công việc được kiểm chứng, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ được giao; giao việc đúng người, tạo không gian sáng tạo và áp dụng cơ chế bảo vệ cán bộ, đảng viên dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung theo Kết luận số 14-KL/TW ngày 22/9/2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung, Nghị định số 73/2023/NĐ-CP ngày 29/9/2023 của Chính phủ quy định về khuyến khích, bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; xem xét thực hiện tuyển dụng, thu hút, sử dụng chuyên gia, nhân lực chất lượng cao giữa khu vực công và khu vực tư theo quy định và hướng dẫn của cấp có thẩm quyền.

- *Về công tác triển khai:* Đổi mới căn bản công tác tổ chức thực hiện các nghị quyết, kết luận của Đảng, bảo đảm thống nhất từ chủ trương đến hành động, từ mục tiêu đến kết quả. Xác định rõ nhiệm vụ, lộ trình, nguồn lực, sản phẩm, kết quả đầu ra và trách nhiệm. Đổi mới cơ chế quản trị theo mục tiêu, kết quả đầu ra và tác động phát triển; đề cao trách nhiệm người đứng đầu, tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm

soát quyền lực; kiên quyết phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, quan liêu, trì trệ và tình trạng né tránh, đùn đẩy trách nhiệm.

- *Về hoàn thiện thể chế và quản trị phát triển:* Chuyển từ quản lý hành chính theo ngành, lĩnh vực sang kết hợp hài hòa, hiệu quả với quản trị phát triển theo hệ sinh thái; từ kiểm soát sang kiến tạo phát triển. Đổi mới mối quan hệ Nhà nước - thị trường - xã hội theo hướng Nhà nước điều tiết, dẫn dắt, định hướng, tạo lập thị trường mới, lĩnh vực mới; hình thành các năng lực chiến lược về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, dữ liệu, năng lượng mới và các lĩnh vực cạnh tranh chiến lược; thị trường đóng vai trò quyết định trong huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả nguồn lực; xã hội tham gia, giám sát, phản biện, tạo đồng thuận và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, quy hoạch, tiêu chuẩn, quy chuẩn và quản lý kết quả đầu ra; tạo dư địa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế “2 con số”.

- *Về xây dựng môi trường đầu tư, kinh doanh:* Xây dựng các quy định rõ ràng, khả thi, minh bạch, đồng bộ, thống nhất, ổn định, dễ thực hiện, linh hoạt và thích ứng nhanh với yêu cầu phát triển mới, tiệm cận chuẩn mực, thông lệ quốc tế tiên tiến và phù hợp với thực tiễn địa phương; không quy định lại những nội dung đã rõ trong Luật, Nghị định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật cấp trên đã ban hành; chấm dứt tư duy “không quản được thì cấm”; chuyển mạnh từ “tiền kiểm” sang “hậu kiểm thông minh”, quản lý theo kết quả, hiệu quả đầu ra; bảo đảm và bảo vệ hữu hiệu quyền sở hữu, quyền tài sản và quyền tự do kinh doanh. Tiếp tục cải thiện hiệu quả, thực chất môi trường đầu tư, kinh doanh, phấn đấu nằm trong nhóm các địa phương dẫn đầu cả nước, tiệm cận chuẩn mực về môi trường kinh doanh và đổi mới sáng tạo của các nền kinh tế phát triển.

- *Về cơ chế thử nghiệm và đổi mới sáng tạo:* Chủ động nghiên cứu, đề xuất xây dựng, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về thử nghiệm có kiểm soát trong các lĩnh vực, khung pháp lý về trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số; ban hành các cơ chế thử nghiệm có kiểm soát phù hợp theo quy định; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý cho các địa phương cấp xã đủ năng lực; bảo đảm nhất quán trong nhận thức và thực thi cơ chế chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền con người trong môi trường số.

- *Về xây dựng chính quyền số và nền quản trị địa phương dựa trên dữ liệu:* Hình thành Trung tâm dữ liệu trên địa bàn tỉnh. Phát triển các nền tảng số, cơ sở dữ liệu của tỉnh phục vụ cải cách hành chính, xây dựng chính quyền số; theo dõi, cập nhật tình hình thực hiện nghị quyết, chiến lược, quy hoạch, đầu tư công và các chỉ tiêu phát triển trên các nền tảng số; xây dựng nền tảng điều hành kinh tế - xã hội dùng chung gắn với cung cấp dịch vụ số cho người dân và doanh nghiệp. Công bố kho dữ liệu mở của khu vực công, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin để doanh nghiệp, viện nghiên cứu khai thác.

- **Về sắp xếp bộ máy và chính quyền địa phương:** Hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan chủ trì; vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương hai cấp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho cấp cơ sở; xây dựng cấp cơ sở đủ năng lực, thẩm quyền và nguồn lực; phát huy vai trò của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội trong tập hợp, vận động, giám sát, phản biện xã hội; phát huy dân chủ và quyền làm chủ của Nhân dân. Nghiên cứu triển khai thí điểm mô hình “Xã, phường xã hội chủ nghĩa” tại một số địa phương phù hợp.

2. Đổi mới mô hình phát triển kinh tế dựa trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các không gian phát triển mới

- **Về mô hình tăng trưởng:** Cơ cấu lại nền kinh tế, xác lập mô hình tăng trưởng mới dựa trên nâng cao năng suất, tạo giá trị gia tăng cao, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và nguồn nhân lực chất lượng cao. Hiện đại hóa các động lực tăng trưởng truyền thống; phát triển mạnh các động lực tăng trưởng mới từ công nghiệp công nghệ cao, dịch vụ giá trị cao, nông nghiệp thông minh, kinh tế số, kinh tế dữ liệu, kinh tế xanh, các mô hình kinh tế mới và các ngành có giá trị gia tăng cao. Tham gia chuỗi liên kết công nghiệp, logistics hiện đại, xanh, số, tự chủ và lưỡng dụng với các tỉnh, thành phố có biển.

- **Về khai thác hiệu quả các không gian phát triển mới:** Phát triển hạ tầng và ứng dụng thiết bị bay không người lái (drone/UAV) trong logistics, giao vận thông minh, giám sát đô thị, nông nghiệp công nghệ cao để phát triển kinh tế không gian tầm thấp; nghiên cứu quy hoạch tích hợp và phát triển không gian ngầm tại các đô thị trung tâm (Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Gia Thuận) và các khu vực trung tâm thương mại, dịch vụ, ga đường sắt đô thị, nút giao thông trọng điểm.

- **Về liên kết vùng và hành lang kinh tế:** Tăng cường liên kết vùng, gắn kết phát triển với Vùng Thủ đô và Vùng đồng bằng sông Hồng; đẩy mạnh hợp tác phát triển với các địa phương lân cận.

- **Về phát triển các thị trường nhân tố sản xuất và huy động nguồn lực:** Phát triển đồng bộ, minh bạch, liên thông các thị trường vốn, đất đai, khoa học, công nghệ, dữ liệu và lao động chất lượng cao. Đổi mới căn bản cơ chế huy động, phân bổ và sử dụng nguồn lực; chuyển từ tư duy phân bổ sang kiến tạo, phát huy hiệu quả nguồn lực; lấy hiệu quả và tác động phát triển làm thước đo; bảo đảm nguyên tắc hạch toán kinh tế tổng thể trong phân bổ, quản lý và sử dụng mọi nguồn lực xã hội; thực hiện phân bổ theo ưu tiên chiến lược, lĩnh vực có tiềm năng phát triển và sức lan tỏa lớn; lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt đầu tư xã hội; khơi thông, chuyển hóa các nguồn lực tồn đọng thành động lực phát triển, đặc biệt là trong lĩnh vực đất đai và tiềm năng văn hóa - du lịch.

- Về phát triển nhanh lực lượng sản xuất mới, đưa khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực chủ yếu, đóng góp thực chất vào tăng trưởng: Phát triển dữ liệu thành tư liệu sản xuất mới và tài nguyên chiến lược, trí tuệ nhân tạo thành hạ tầng trí tuệ và lực lượng sản xuất chất lượng cao; từng bước chuyển từ mô hình phát triển chủ yếu dựa vào lao động giản đơn, gia công, lắp ráp và khai thác lợi thế sẵn có sang mô hình phát triển dựa chủ yếu trên khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nhân lực chất lượng cao; triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia; đưa Bắc Ninh nằm trong nhóm các tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, Chỉ số chuyển đổi số cấp tỉnh; hoàn thành và khai thác hiệu quả các sản phẩm công nghệ chiến lược giai đoạn 2026 - 2030 nhằm tạo nền tảng cho phát triển kinh tế tri thức và kinh tế số, đưa Bắc Ninh thành trung tâm công nghệ cao, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo (AI) của cả nước.

- Về đột phá phát triển công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghiệp công nghệ cao: Làm mới động lực tăng trưởng truyền thống dựa trên thu hút đầu tư phát triển công nghiệp có giá trị gia tăng cao, liên kết doanh nghiệp trong nước với doanh nghiệp đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), nâng cao tỷ lệ nội địa hóa, phát triển sản phẩm Made in Viet Nam tại Bắc Ninh, đẩy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Xác lập Bắc Ninh là thủ phủ công nghiệp công nghệ cao; ưu tiên thu hút và phát triển công nghiệp dữ liệu, các chuỗi giá trị bán dẫn, thiết kế chip, AI, thiết bị điện tử thông minh, tự động hóa, rô-bốt, công nghệ sinh học và vật liệu mới; thúc đẩy chuỗi liên kết giữa các tập đoàn đa quốc gia với doanh nghiệp nội địa và nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả của lực lượng doanh nghiệp Việt Nam. Thành lập khu kinh tế chuyên biệt, khu kinh tế đặc biệt trở thành khu vực động lực gắn kết phát triển đô thị, thương mại, dịch vụ và khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Về phát triển thương mại, dịch vụ, nông nghiệp: Thành lập và phát triển khu thương mại tự do, khu logistics hàng không, trung tâm tiếp vận, cung ứng quốc tế gắn với Cảng hàng không quốc tế Gia Bình; đưa Bắc Ninh thành cứ điểm logistics đa phương thức lớn đạt chuẩn quốc tế; đẩy mạnh xuất khẩu dịch vụ tại chỗ; phát triển du lịch, kinh tế sức khỏe trở thành ngành kinh tế quan trọng. Phát triển nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp thông minh, công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn, giá trị gia tăng cao và phát thải thấp theo chuỗi giá trị, gắn với xây dựng nông thôn văn minh, nông dân chuyên nghiệp.

- Về định hướng chiến lược phát triển toàn diện hệ sinh thái doanh nghiệp và các thành phần kinh tế: Phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp theo các tầng liên kết, bổ trợ lẫn nhau với các chính sách hỗ trợ riêng biệt, có trọng tâm và mục tiêu cụ thể; tập trung phát triển lực lượng doanh nghiệp dẫn dắt, doanh nghiệp đầu chuỗi và hệ sinh thái công nghiệp có năng lực cạnh tranh cao, gắn với nâng cao năng lực, chất lượng, hiệu quả của lực lượng doanh nghiệp Việt Nam; phấn đấu đến năm 2030 toàn

tỉnh có ít nhất 02 doanh nghiệp lớn tham gia chuỗi giá trị toàn cầu, 15 tập đoàn tư nhân nằm trong 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam; tăng cường cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ của Nhà nước, đặc biệt ưu tiên đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm về chuyển đổi số của tỉnh; có cơ chế đột phá thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp lớn với doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, hợp tác xã, viện nghiên cứu, trường đại học và các trung tâm đổi mới sáng tạo. Phát triển kinh tế nhà nước thực sự giữ vai trò chủ đạo trong bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, các cân đối lớn, định hướng chiến lược và dẫn dắt nền kinh tế, tập trung vào lĩnh vực công ích, hạ tầng, dịch vụ thiết yếu và đầu tư kết cấu hạ tầng chiến lược (đường Vành đai 4, Vành đai 5, Cảng hàng không quốc tế Gia Bình, cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn và các tuyến cao tốc, tốc độ cao nội tỉnh, liên tỉnh, hệ thống đường sắt tốc độ cao, đường thủy nội địa kết nối cảng biển...). Phát triển kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực quan trọng nhất; củng cố, phát triển kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác; phát triển kinh tế hộ gia đình thành lực lượng sản xuất, kinh doanh năng động, bền vững; tích cực triển khai các giải pháp khuyến khích, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi thành doanh nghiệp; thu hút có chọn lọc đầu tư nước ngoài, gắn với chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực sản xuất, tạo sự liên kết, lan tỏa với khu vực kinh tế trong nước thông qua việc chủ động đàm phán với chủ đầu tư các dự án FDI lớn để có kế hoạch sử dụng chuỗi cung ứng nội địa ngay từ giai đoạn phê duyệt dự án.

- Đưa Bắc Ninh trở thành thành phố trực thuộc Trung ương, có kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại: Phát triển hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại, thông minh, xanh, kết nối đa tầng, đa phương thức; ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông tốc độ cao, tập trung vào các tuyến giao thông trọng điểm mang tính liên kết vùng, kết nối nhanh chóng, liền mạch tới cảng biển, cảng hàng không, các đầu mối logistics quan trọng, đô thị thông minh, không gian ngầm; hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu, hạ tầng cho miền núi và vùng đặc biệt khó khăn; tích hợp hạ tầng vật lý với hạ tầng số trong giao thông, năng lượng, công nghiệp, logistics, nông nghiệp, giáo dục, y tế và dịch vụ công thông qua việc vận hành hiệu quả Trung tâm Điều hành thông minh (IOC) cấp tỉnh; đẩy nhanh chuyển đổi các khu công nghiệp truyền thống sang mô hình khu công nghiệp sinh thái, công nghệ cao. Xây dựng hạ tầng số, dữ liệu, năng lực tính toán và trí tuệ nhân tạo; phát huy vị thế là cứ điểm sản xuất điện tử hàng đầu để thu hút đầu tư, hình thành hệ sinh thái về công nghiệp vi mạch bán dẫn và linh kiện điện tử, điện toán lượng tử. Phát triển hệ thống logistics hiện đại, đa phương thức, đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa trọng điểm của Vùng Thủ đô và khu vực phía Bắc.

- Về tái cấu trúc hệ sinh thái đổi mới sáng tạo: Lấy doanh nghiệp làm trung tâm, chính quyền kiến tạo phát triển, định hướng, đồng hành và chia sẻ rủi ro. Tham gia đầu tư dài hạn cho nghiên cứu cơ bản, phòng thí nghiệm trọng điểm; khuyến

khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, sở hữu trí tuệ, công nghệ lõi; hỗ trợ nâng cao năng lực công nghệ của doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp.

- *Về đổi mới liên kết nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và thương mại hóa kết quả nghiên cứu:* Lấy nhu cầu phát triển và doanh nghiệp làm trung tâm; trao quyền tự chủ cho tổ chức nghiên cứu, bảo đảm lợi ích chính đáng của nhà khoa học; phát triển đồng bộ các nền tảng thử nghiệm, chuyển giao công nghệ, sở hữu trí tuệ và tài chính, đưa nhanh kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh, hình thành sản phẩm thương mại, doanh nghiệp và ngành kinh tế mới. Ban hành các cơ chế, chính sách xây dựng mô hình liên kết ba bên: Nhà nước - Doanh nghiệp - Viện nghiên cứu, Trường đại học nhằm giải quyết bài toán đào tạo nhân lực chất lượng cao, chuyển giao công nghệ và đưa hàm lượng R&D vào sản xuất.

- *Về đẩy mạnh đô thị hóa, phát triển đô thị:* Phát triển đô thị thành động lực tăng trưởng quan trọng; hình thành mô hình đô thị đa cực, đa trung tâm; tái cấu trúc không gian phát triển gắn với tổ chức 03 phân vùng, 04 hành lang phát triển dọc các trục giao thông chiến lược và đường vành đai, cùng 06 cụm trung tâm động lực.

3. Phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, an sinh xã hội đa tầng và quản trị nguồn nhân lực chất lượng cao

- *Về xây dựng xã hội kỷ cương, an toàn, văn minh, hài hòa, phát triển, có khả năng thích ứng và phục hồi trước các biến động:* Triển khai các phương thức quản trị phát triển xã hội hiện đại, chủ động, dựa trên nền tảng dữ liệu, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng nền an ninh con người chủ động, toàn diện, bao trùm, hiện đại và bền vững; hình thành hệ thống phát hiện, cảnh báo và xử lý sớm các nguy cơ mất ổn định, mất an toàn xã hội; phát triển các thiết chế hòa giải, đối thoại và trợ giúp pháp lý ở cơ sở. Xây dựng và triển khai các tiêu chí đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người.

- *Về xây dựng hệ thống an sinh xã hội hiện đại, đa tầng, bền vững, bao trùm, linh hoạt và thích ứng cao:* Coi đầu tư cho an sinh là đầu tư cho phát triển; bảo vệ tốt hơn các nhóm yếu thế; xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, bản đồ số về an sinh xã hội. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và phát triển hệ thống an sinh phù hợp với lao động phi chính thức, lao động nền tảng và thích ứng với già hóa dân số. Thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực trong tỉnh; quan tâm phát triển vùng sâu, vùng xa, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các nhóm yếu thế. Hoàn thành 100% chỉ tiêu về xây dựng nhà ở xã hội và từng bước chuyển dịch cơ cấu phát triển nhà ở theo hướng tăng tỷ trọng nhà ở cho thuê, nhà ở xã hội và các loại hình nhà ở phục vụ an sinh xã hội, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận nhà ở phù hợp với thu nhập; bảo đảm đầy đủ thiết chế văn hóa, y tế, giáo dục tại các khu công nghiệp.

- **Về hiện đại hóa hệ thống y tế và chăm sóc sức khỏe:** Chuyển dịch mạnh từ chữa bệnh sang phòng bệnh; phát triển hệ thống y tế đồng bộ, hiện đại, chất lượng cao; xây dựng hệ sinh thái chăm sóc sức khỏe đa tầng, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận các dịch vụ y tế thuận lợi, an toàn và hiệu quả. Triển khai sổ sức khỏe điện tử và bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân, từng bước miễn viện phí theo lộ trình; bảo đảm nguồn cung thiết bị, vật tư y tế phục vụ phòng, chống dịch bệnh và khám, chữa bệnh. Nâng cấp các bệnh viện tuyến tỉnh thành trung tâm y tế chuyên sâu của vùng, trung tâm hạt nhân về chuyên môn; tiếp tục củng cố, nâng cao năng lực y tế cơ sở.

- **Về đổi mới quản trị nguồn nhân lực:** Xây dựng hệ thống dự báo, quy hoạch và quản trị phát triển nguồn nhân lực thống nhất, gắn với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn tỉnh và định hướng phát triển của từng ngành, lĩnh vực. Hiện đại hóa thị trường lao động trên nền tảng dữ liệu số và trí tuệ nhân tạo; hoàn thiện cơ sở dữ liệu về lao động, việc làm, kỹ năng nghề, kết nối đồng bộ với các cơ sở dữ liệu; chuyển đổi số toàn diện, phát triển hệ thống dịch vụ việc làm công trở thành trung tâm điều phối phát triển thị trường lao động; khuyến khích phát triển dịch vụ việc làm ngoài công lập, cơ chế hợp tác công tư trong cung cấp dịch vụ việc làm; bảo đảm cơ hội tiếp cận việc làm bền vững, công bằng, không để ai bị bỏ lại phía sau. Ban hành và tổ chức thực hiện thực chất, hiệu quả các chính sách thu hút, ưu đãi, hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trên địa bàn tỉnh.

4. Phát triển văn hóa, con người Bắc Ninh toàn diện, hiện đại, giàu bản sắc, trở thành nền tảng tinh thần và động lực nội sinh

- **Về xây dựng và phát triển văn hóa Bắc Ninh tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc:** Phát triển toàn diện văn hóa, con người Bắc Ninh mang đậm bản sắc văn hóa Kinh Bắc trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam; kết hợp hài hòa giữa bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại; hoàn thiện thể chế gắn với thực hành, lan tỏa và thấm sâu các hệ giá trị trong đời sống xã hội, tạo đột phá chiến lược, khơi thông nguồn lực xây dựng và phát triển văn hóa; xây dựng văn hóa thượng tôn pháp luật và kỷ cương xã hội trở thành giá trị cốt lõi. Bảo tồn và phát huy hiệu quả các giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản; đẩy mạnh phát triển công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí gắn với ngoại giao văn hóa và quảng bá hình ảnh Bắc Ninh; tài sản hóa các giá trị văn hóa và xây dựng thị trường tài sản trí tuệ văn hóa; xây dựng văn hóa số lành mạnh, xây dựng thể trận an ninh văn hóa, an ninh con người và bảo vệ chủ quyền văn hóa số; từng bước hình thành các công trình hạ tầng văn hóa, thể dục, thể thao đủ điều kiện tổ chức các sự kiện cấp vùng, quốc gia và quốc tế.

- **Về đổi mới giáo dục, đào tạo:** Xây dựng nền giáo dục mở, liên thông, công bằng và thích ứng, lấy người học làm trung tâm, gắn với hệ giá trị con người Bắc Ninh. Đổi mới giáo dục và đào tạo theo hướng thực học, thực nghiệp, phát triển năng

lực sáng tạo, tư duy phản biện, kỹ năng số, tinh thần khởi nghiệp thông qua Trung tâm Đổi mới sáng tạo tỉnh, đáp ứng nhu cầu của thị trường. Xây dựng các khu đô thị đại học kiểu mẫu và các trung tâm xuất sắc về khoa học, công nghệ. Đổi mới toàn diện giáo dục nghề nghiệp gắn với nhu cầu của doanh nghiệp; mở rộng mô hình đào tạo kép, đào tạo tại doanh nghiệp, đào tạo lại và đào tạo nâng cao kỹ năng phục vụ các ngành công nghiệp mũi nhọn, bán dẫn và trí tuệ nhân tạo; thúc đẩy mô hình đào tạo nghề sau trung học; xây dựng hệ sinh thái phát triển kỹ năng nghề. Hình thành hệ thống dự báo kỹ năng, đào tạo lại, chuyển đổi nghề và bảo vệ người lao động trong quá trình chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới giáo dục phổ thông theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực, tư duy khoa học, kỹ năng số, khả năng tự học, khả năng thích ứng; đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM và từng bước đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Xây dựng xã hội học tập và cơ chế học tập suốt đời; đẩy mạnh bình dân học vụ số và tri thức hóa nông dân.

- *Về phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:* Chú trọng phát triển kỹ năng số, năng lực thực hành, năng lực sáng tạo và khả năng học tập suốt đời; xây dựng chiến lược thu hút và trọng dụng nhân tài, trí thức, chuyên gia, nhà khoa học với các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, cạnh tranh, nhất là trong các lĩnh vực trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, khoa học dữ liệu, công nghệ chiến lược và công nghệ mới.

- *Về công tác dân số:* Chuyển căn bản tư duy từ quản lý quy mô, cơ cấu dân số sang phát triển vốn dân số, coi dân số là nguồn lực chiến lược của tăng trưởng dài hạn, toàn diện; nâng cao chất lượng dân số, gắn chính sách dân số với phát triển nguồn nhân lực, an sinh xã hội và thị trường lao động. Phấn đấu đến năm 2030 đạt và duy trì mức sinh thay thế; từng bước đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên. Tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng; chuyển từ tư duy ứng phó sang thích ứng chủ động và khai thác cơ hội phát triển từ chuyển đổi dân số; phát triển mạnh “kinh tế bạc” và hệ sinh thái, sản phẩm, dịch vụ cho người cao tuổi.

5. Quản trị tài nguyên, bảo vệ môi trường sinh thái, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu và thực hiện lộ trình Net Zero

- *Về quản trị tài nguyên, môi trường gắn với phát triển bền vững:* Coi quản trị tài nguyên, môi trường là trụ cột của phát triển bền vững, gắn với bảo đảm an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, thích ứng với biến đổi khí hậu và nâng cao khả năng chống chịu của nền kinh tế. Xây dựng văn hóa sinh thái, thúc đẩy lối sống xanh, hài hòa với thiên nhiên; tổ chức không gian phát triển gồm các hành lang xanh, vành đai xanh, nêm xanh và hệ thống các sông chính, bảo đảm cân bằng sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu. Hoàn thiện thể chế bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu theo hướng kiến tạo, dẫn dắt chuyển đổi xanh, phát triển trong giới hạn sinh thái và khả năng chịu tải của môi trường; sử dụng hiệu quả các công cụ kinh tế trong quản lý môi trường. Phát triển mạnh kinh tế xanh,

kinh tế tuần hoàn, kinh tế cacbon thấp, chuyển đổi xanh trong các ngành, lĩnh vực; từng bước hiện thực hóa mục tiêu phát thải ròng bằng “0” vào năm 2050.

- Về xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường dựa trên dữ liệu:

Từng bước xây dựng nền tảng quản trị tài nguyên và môi trường hiện đại, dựa trên dữ liệu, gắn với cơ chế điều phối liên ngành, liên vùng; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên; bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học, phục hồi môi trường và các hệ sinh thái; xây dựng các hành lang sinh thái và mạng lưới bảo vệ đa dạng sinh học. Từng bước hạch toán vốn tự nhiên trong hệ thống thống kê; tích hợp yêu cầu bảo vệ tài nguyên, môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu vào quy hoạch, phân bổ ngân sách và quyết định đầu tư.

- Về phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm và thích ứng với biến đổi khí hậu:

Chủ động phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm; giải quyết kịp thời các vấn đề môi trường, cải thiện môi trường sống của người dân; mở rộng hệ thống quan trắc môi trường tự động, liên tục đối với nước, không khí và khí thải tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất và khu vực nhạy cảm về môi trường. Chủ động thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu, giảm thiểu rủi ro thiên tai; hoàn thiện hạ tầng ứng phó, phát triển các đô thị chống chịu với biến đổi khí hậu và phòng, chống thiên tai; nâng cao năng lực chống chịu, thích ứng của hệ thống tự nhiên, kinh tế và xã hội. Đổi mới công tác phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng chuyển mạnh từ ứng phó bị động sang quản trị rủi ro chủ động; từ xử lý hậu quả sang phòng ngừa từ sớm, từ xa. Hoàn thành xây dựng cơ sở dữ liệu môi trường thống nhất trên phạm vi toàn tỉnh; từng bước triển khai hệ thống giám sát, điều hành môi trường theo thời gian thực.

- Về phát triển công nghiệp môi trường:

Phát triển công nghiệp môi trường gắn với chiến lược công nghiệp hóa xanh; xử lý triệt để ô nhiễm tại các đô thị, khu công nghiệp và làng nghề; tái cấu trúc các khu công nghiệp hiện hữu theo hướng xanh, thông minh; khuyến khích phát triển khu công nghiệp sinh thái và hệ thống tái chế có truy xuất nguồn gốc.

6. Công tác quốc phòng, an ninh

- Về kết hợp chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế - xã hội với bảo đảm

quốc phòng, an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội: Xây dựng khu vực phòng thủ vững chắc, thế trận an ninh đồng bộ, liên hoàn, đa tầng trên các không gian, lĩnh vực; bố trí các khu vực chiến lược, công trình quốc phòng, công trình lưỡng dụng phù hợp với quy hoạch phát triển; bảo đảm khả năng huy động, chuyển đổi phục vụ nhiệm vụ quốc phòng khi cần thiết. Xây dựng lực lượng vũ trang địa phương vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ; nâng cao khả năng sẵn sàng chiến đấu, chủ động ứng phó hiệu quả với các tình huống quốc phòng - an ninh.

- **Về bảo đảm an ninh, trật tự:** Chủ động nắm chắc tình hình, dự báo từ sớm, từ xa; kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất ổn định; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, an ninh con người và an ninh mạng. Tăng cường đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật; bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự.

7. Công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế

- **Về bám sát đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế của Đảng:** Chuyển từ tiếp cận hợp tác theo từng dự án riêng lẻ sang xây dựng quan hệ đối tác dài hạn với các quốc gia và khu vực có thế mạnh về công nghiệp, công nghệ cao, logistics như Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Hoa Kỳ và Liên minh châu Âu (EU). Trọng tâm hợp tác không chỉ là thu hút vốn đầu tư mà còn là chuyển giao công nghệ, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản trị và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị toàn cầu.

- **Về lấy ngoại giao kinh tế làm trọng tâm:** Đẩy mạnh hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng và hiệu quả, tranh thủ tối đa các nguồn lực và điều kiện thuận lợi bên ngoài để phát triển kinh tế nhanh. Tận dụng tối đa lợi thế từ các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới; đa dạng hóa thị trường, sản phẩm và chuỗi cung ứng; khai thác hiệu quả các FTA đã ký kết; củng cố quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư với các thị trường lớn, chủ chốt như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, châu Âu, Hàn Quốc; chú trọng các thị trường tiềm năng, còn nhiều dư địa hợp tác. Đa dạng hóa đối tác, thị trường, chuỗi cung ứng và hệ sinh thái công nghệ; chủ động quản trị rủi ro phụ thuộc chiến lược.

- **Về nâng cao chất lượng thông tin đối ngoại:** Đổi mới nội dung, phương thức thông tin đối ngoại nhằm quảng bá tiềm năng, thế mạnh của Bắc Ninh đến bạn bè quốc tế và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- **Về nâng cao năng lực đối ngoại và hội nhập quốc tế:** Nghiên cứu, tham gia các cơ chế hợp tác, diễn đàn, mạng lưới thành phố, đô thị trên thế giới phù hợp với nhu cầu và điều kiện thực tế của tỉnh. Phát huy mạnh mẽ nguồn lực và vai trò của cộng đồng người Việt Nam quê hương Bắc Ninh ở nước ngoài; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ vào công tác quản lý người Việt Nam quê hương Bắc Ninh ở nước ngoài.

(có Phụ lục 2 danh mục các nhiệm vụ, giải pháp quan trọng kèm theo)

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. **Đảng ủy HĐND tỉnh** lãnh đạo HĐND tỉnh rà soát, ban hành các nghị quyết, cơ chế, chính sách đặc thù của tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, thu hút nhân tài, chuyển đổi xanh và phát triển hạ tầng chiến lược; tăng cường giám sát việc thực hiện.

2. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh chỉ đạo ban hành Chương trình hành động của UBND tỉnh; cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ; phân công rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, thời gian hoàn thành và sản phẩm đầu ra.

3. Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy chủ trì hướng dẫn công tác tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình; định hướng báo chí, truyền thông mở chuyên mục tuyên truyền, nhân rộng các mô hình đổi mới sáng tạo hiệu quả.

4. Đảng ủy Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể tỉnh chỉ đạo xây dựng kế hoạch tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện Chương trình; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội trong quá trình đổi mới mô hình phát triển tỉnh.

5. Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức nghiên cứu, quán triệt và xây dựng kế hoạch hành động của cấp mình; chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ Tỉnh ủy về kết quả triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách.

6. Giao Đảng ủy UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Chương trình hành động này; định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Chương trình, gửi Ban Thường vụ Tỉnh ủy; tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy sơ kết, tổng kết việc thực hiện trên địa bàn tỉnh theo chỉ đạo của Trung ương.

Nơi nhận:

- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo);
- Đảng ủy Chính phủ (báo cáo);
- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương (báo cáo);
- Văn phòng Trung ương Đảng (báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành tỉnh;
- Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên;
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ**



Nguyễn Hồng Thái

PHỤ LỤC 1
TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ ĐỔI MỚI MÔ HÌNH PHÁT TRIỂN TỈNH BẮC NINH NĂM 2030, NĂM 2035 VÀ NĂM 2045
(Kèm theo Chương trình hành động số 39-CTr/TU, ngày 27/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh)

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
I. Nhóm chỉ tiêu về thể chế, quản trị và hoàn thiện hệ thống chính trị				
1	Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh	≥ 0,75	≥ 0,85	≥ 1,0
2	Xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)	Đứng trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Duy trì trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Duy trì trong nhóm 5 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước
3	Chỉ số sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS)	Giá trị trung bình đạt trên 88%	Giá trị trung bình đạt 88 - 90%	Giá trị trung bình đạt tối thiểu 95%
4	Tỉ lệ các sở, ngành, địa phương sử dụng nền tảng số phục vụ điều hành theo mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 4 và 90% đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	Khoảng 95% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu	100% sở, ngành, địa phương đạt cấp độ 5 mức độ trưởng thành về quản trị dữ liệu
II. Nhóm chỉ tiêu về kinh tế				
1	Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân/năm (%)	11-12	9,5-10,5	> 8
2	GRDP bình quân đầu người (theo giá hiện hành, đến cuối kỳ) (USD)	Khoảng 8.700-9.200	Khoảng 15.000	Khoảng 35.000
3	Tỉ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tốc độ tăng trưởng GRDP (%)	> 55	> 55	> 55
4	Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân/năm (%)	10	> 8,5	8 - 10
5	Tỉ trọng giá trị tăng thêm của kinh tế số trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	≥ 45	≥ 50	≥ 58
6	Xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) (đến cuối kỳ)	Đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Đứng trong nhóm 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước	Đứng trong nhóm 6 tỉnh, thành phố dẫn đầu cả nước
7	Tốc độ tăng số lượng đơn đăng ký sáng chế, văn bằng bảo hộ sáng chế trung bình/năm	16 - 18%	10 - 12%	10%
8	Tỉ lệ doanh nghiệp công nghệ số nội địa vươn tầm khu vực, một số doanh nghiệp làm chủ công nghệ lõi (đến cuối kỳ)			10%

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
9	Kinh phí chi cho nghiên cứu và phát triển so với GRDP (%), trong đó tỉ trọng kinh phí từ xã hội (đến cuối kỳ) (%)	2%; > 60%	3%; 65 - 70%	3 - 3,5%; 70 - 80%
10	Tỉ lệ doanh nghiệp có hoạt động đổi mới sáng tạo (đến cuối kỳ) (%)	≥ 40	45 - 50	≥ 50
11	Tỉ trọng giá trị xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao trong tổng giá trị xuất khẩu hàng hoá (đến cuối kỳ) (%)	≥ 50	50 - 55	55 - 60
12	Phát triển đô thị	Bắc Ninh là đô thị loại I, thành phố trực thuộc trung ương. Hệ thống đô thị gồm vùng đô thị trung tâm Bắc Ninh với 08 đô thị loại II (Kinh Bắc, Bắc Giang, Từ Sơn, Tiên Du, Yên Phong, Quế Võ, Gia Thuận, Hiệp Hòa); vùng đô thị hóa mở rộng với 04 đô thị theo tiêu chí đô thị loại II (Tân Yên - Yên Thế, Lạng Giang - Lục Nam, công nhận các đô thị loại III thuộc các xã trong khu vực phát triển đô thị khi bảo đảm các tiêu chí, điều kiện theo quy định nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển. Tỉ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 65%.	Hoàn thiện 08 đô thị loại II của vùng đô thị trung tâm, phần đầu phát triển 04 đô thị loại II của vùng đô thị hóa mở rộng. Tỉ lệ đô thị hóa đạt tối thiểu 70%.	Tiếp tục hoàn thiện 08 đô thị loại II của vùng đô thị trung tâm, phần đầu phát triển 04 đô thị loại II của vùng đô thị hóa mở rộng; các đô thị hạt nhân Kinh Bắc, Bắc Giang, Quế Võ, Gia Thuận phát triển đạt các tiêu chuẩn chất lượng cao của thành phố trực thuộc trung ương. Tỉ lệ đô thị hóa tối thiểu đạt khoảng 75%
III. Nhóm chỉ tiêu về xã hội				
1	Phát triển dân số (đến cuối kỳ)	Quy mô dân số đạt khoảng 4 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 4,5 triệu người	Quy mô dân số đạt khoảng 5,5 triệu người
2	Số người hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ (đến cuối kỳ)	12 người trên 1 vạn dân	25 người trên 1 vạn dân	Khoảng 50 - 60 người trên 1 vạn dân
3	Tỉ lệ người học các ngành khoa học cơ bản, kỹ thuật và công nghệ (STEM)	> 35% tổng số sinh viên	Khoảng 40% tổng số sinh viên	40 - 45% tổng số sinh viên
4	Tỉ lệ tham gia hệ thống an sinh xã hội (đến cuối kỳ)	- ~62,35% lực lượng lao động tham gia BHXH - ~54% tham gia BHTN - BHYT bao phủ 100% dân số - ~71% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	- ~67% lực lượng lao động tham gia BHXH - 57-59% tham gia BHTN - Duy trì BHYT bao phủ 100% dân số - ~75% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội	- ~80% lực lượng lao động tham gia BHXH - ~68-70% tham gia BHTN - Duy trì BHYT bao phủ 100% dân số - ~80% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hằng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
5	Chỉ số tuổi thọ trung bình, trong đó số năm sống khoẻ (cuối kỳ)	Tuổi thọ trung bình 75,5 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 68 năm	Tuổi thọ trung bình 76,5 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu 69 năm	Tuổi thọ trung bình trên 80 tuổi; số năm sống khoẻ tối thiểu trên 71 năm
6	Chỉ số về bình đẳng giới	Hoàn thành 85% chỉ tiêu Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới	Hoàn thành 90% chỉ tiêu Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới	Hoàn thành 100% chỉ tiêu Chiến lược Quốc gia về bình đẳng giới
IV. Nhóm chỉ tiêu về văn hoá, con người				
1	Chỉ số phát triển con người (HDI)	$\geq 0,8$	$> 0,8$	Thuộc nhóm cao trên thế giới
2	Đóng góp của giá trị tăng thêm ngành công nghiệp văn hoá trong GRDP (đến cuối kỳ) (%)	5	8,0	10
V. Nhóm chỉ tiêu về môi trường sinh thái				
1	Tỉ lệ giảm lượng phát thải khí nhà kính	9	10	Phát thải ròng bằng '0' vào năm 2050
2	Tỉ lệ năng lượng tái tạo trong tổng cung năng lượng sơ cấp (đến cuối kỳ) (%)	15 - 20	25 - 30	35 - 40
3	Tỉ lệ khu công nghiệp sinh thái được công nhận trong tổng số khu công nghiệp đang hoạt động (đến cuối kỳ) (%)	10	13 - 15	20
4	Mức độ vận hành thương mại thị trường cacbon	Vận hành chính thức sàn giao dịch cacbon bắt buộc	Tiếp tục vận hành chính thức thị trường cacbon trong nước, áp dụng cơ chế bắt buộc; hoàn thiện hệ thống giao dịch	Vận hành toàn diện thị trường cacbon quốc tế; liên thông công nghệ và kỹ thuật giao dịch
5	Phòng, chống và thích ứng với biến đổi khí hậu (đến cuối kỳ)	$\geq 70\%$ hộ dân khu vực thiên tai có nhà ở an toàn - Hoàn thành di dời 80% hộ dân nơi có nguy cơ cao lũ quét, sạt lở - Xử lý cơ bản ngập úng tại đô thị lớn	$> 80\%$ hộ dân khu vực thiên tai có nhà ở an toàn - Hoàn thành di dời 85 - 90% hộ dân nơi nguy cơ cao - Kiểm soát tình trạng ngập úng tại đô thị lớn	100% hộ dân khu vực thiên tai có nhà ở an toàn - Hoàn thành di dời 95 - 100% hộ dân nơi nguy cơ cao 100% đô thị lớn ứng dụng AI trong xử lý ngập úng
VI. Nhóm chỉ tiêu về quốc phòng, an ninh				
1	Phát triển công nghiệp an ninh mạng	Phấn đấu tốc độ tăng trưởng ngành công nghiệp an ninh mạng đạt bình quân trên 25%/năm	Phấn đấu tốc độ tăng trưởng đạt bình quân khoảng 20%/năm	Có 3 doanh nghiệp an ninh mạng Việt Nam nằm trong nhóm 50 doanh nghiệp dẫn đầu toàn cầu; Việt Nam thành trung tâm xuất khẩu CN an ninh
2	Phát triển công nghiệp an ninh tự chủ, tự cường, lưỡng dụng, hiện đại	Sản phẩm CN an ninh đáp ứng $> 70\%$ vũ khí trang bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của CAND và phục vụ dân sinh	Sản phẩm CN an ninh đáp ứng $> 80\%$ vũ khí trang bị kỹ thuật, công cụ hỗ trợ của CAND, phục vụ dân sinh và xuất khẩu	Việt Nam trở thành trung tâm phát triển xuất khẩu CN an ninh; bảo đảm 100% nhu cầu; tối thiểu 3 DN và 5 trung tâm R&D ngang tầm quốc tế
VII. Nhóm chỉ tiêu về đối ngoại và hội nhập quốc tế				

STT	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2026 - 2030	Giai đoạn 2031 - 2035	Giai đoạn 2036 - 2045
1	Cải thiện chất lượng dòng vốn FDI	Phấn đấu trên 80% dự án FDI thu hút mới thuộc các lĩnh vực trọng điểm phát triển của tỉnh, bao gồm: Điện tử, bán dẫn, thiết bị thông minh; AI, dữ liệu, công nghệ số; Công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao; Thiết bị y tế, vật liệu mới; Năng lượng sạch, công nghiệp xanh đầu tư vào các khu, cụm công nghiệp		

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP QUAN TRỌNG TRONG CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

(Kèm theo Chương trình hành động số 39-CTr/TU, ngày 27/8/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bắc Ninh)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
I. Về thể chế, quản trị địa phương và hoàn thiện hệ thống chính trị						
1	Hoàn thiện mô hình, chức năng, nhiệm vụ của các ban đảng, các Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, các ban chỉ đạo, các sở, ngành và đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương; hoàn thiện tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc mỗi việc chỉ giao một cơ quan đầu mối chủ trì	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc	Giai đoạn 2026-2030	Chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan	Ngân sách nhà nước
2	Sơ kết Nghị quyết số 28-NQ/TW, ngày 17/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, cầm quyền của Đảng đối với hệ thống chính trị trong giai đoạn mới	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các đảng ủy trực thuộc	Năm 2027	Báo cáo sơ kết	Ngân sách nhà nước
3	Tổ chức triển khai khung mô hình phát triển tổng quát và các mô hình phát triển thành phần trên các lĩnh vực: kinh tế, xã hội, văn hóa - con người, môi trường, quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế, quản trị địa phương	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy UBND tỉnh	Năm 2027 (Sau khi Trung ương ban hành khung hướng dẫn)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Theo dõi, báo cáo, đánh giá việc thực hiện hệ thống nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc	Giai đoạn 2026 - 2030 (hoàn thành giai đoạn 2026 - 2027)	Đề xuất tích hợp hoặc sơ kết, tổng kết, kết thúc thời hạn thực hiện	Ngân sách nhà nước
5	Tổ chức triển khai khung chỉ số quản trị quốc gia	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Khung chỉ số)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
6	Tổ chức triển khai bộ tiêu chí đánh giá phẩm chất, năng lực, uy tín cán bộ	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc	Giai đoạn 2026-2027 (Sau khi Trung ương ban hành bộ chỉ tiêu)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
7	Tổ chức triển khai hệ thống báo cáo theo hướng tinh gọn, thống nhất số hóa, liên thông, dựa trên dữ liệu	Văn phòng Tỉnh ủy	Các đảng ủy trực thuộc	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương hoàn thiện hệ thống báo cáo)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
8	Tổ chức triển khai thể chế pháp luật về phát triển đô thị	Đảng ủy Sở Xây dựng	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi thể chế pháp luật được Trung ương ban hành)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
9	Tổ chức triển khai Đề án Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Sở Nội vụ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2045 (Sau khi đề án được Trung ương ban hành)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
10	Tổ chức triển khai các chiến lược: Phát triển kinh tế không gian tâm thấp, không gian vũ trụ, không gian ngầm...	1. Đảng ủy Sở Xây dựng chủ trì tổ chức triển khai kinh tế không gian ngầm 2. Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ chủ trì tổ chức triển khai không gian tâm thấp, không gian vũ trụ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2027 (Sau khi chiến lược quốc gia được Trung ương ban hành)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
II. Về kinh tế						
1	Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Chiến lược chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2045 (Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
2	Phối hợp công bố dữ liệu mở có kiểm soát để doanh nghiệp, viện nghiên cứu, trường đại học có thể khai thác	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2045 (Thực hiện theo chỉ đạo của Trung ương)	Cơ sở dữ liệu mở	Ngân sách nhà nước
3	Tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam đến năm 2045	Đảng ủy Sở Công Thương	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2027 (Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển năng lượng và công nghiệp ngoài khơi	Đảng ủy Sở Công Thương	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026-2045 (Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
5	Tổ chức triển khai các quy định đầu tư ra nước ngoài phù hợp bối cảnh mới	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế, chính sách)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
6	Tổng kết Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị và sơ kết Nghị quyết số 29-NQ/TW của BCH TW khoá XIII về công nghiệp hoá, hiện đại hoá và các Chương trình, Kế hoạch triển khai của Tỉnh ủy thực hiện các Nghị quyết	Văn phòng Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2027 - 2028 (Theo hướng dẫn của Trung ương)	Báo cáo	Ngân sách nhà nước
7	Tổ chức triển khai Chiến lược phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
8	Tổ chức triển khai Đề án Phát triển thị trường giao dịch hàng hoá phái sinh tại Việt Nam	Đảng ủy Sở Công Thương	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Đề án)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
9	Tổ chức triển khai Đề án phát triển hệ thống logistics	Đảng ủy Sở Công Thương	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2035 (Sau khi Trung ương ban hành Đề án)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
10	Tổ chức triển khai Đề án thu hút các tổ chức khoa học công nghệ khu vực và quốc tế đặt trụ sở tại Việt Nam	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2030 - 2035 (Sau khi Trung ương ban hành Đề án)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
11	Tổ chức triển khai cơ chế, chính sách cho các Trung tâm đổi mới sáng tạo	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế, chính sách)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
12	Xây dựng Chương trình, Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết thay thế Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Quý II/2027 (Sau khi Trung ương ban hành Nghị quyết)	Chương trình, Kế hoạch hành động	Ngân sách nhà nước

III. Về xã hội

1	Tổ chức triển khai các bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội, bảo đảm an ninh con người...	1. Đảng ủy Sở Nội vụ: Bộ tiêu chí quốc gia đánh giá toàn diện về xã hội, các bộ chỉ số về hạnh phúc xã hội, chất lượng sống, niềm tin xã hội 2. Đảng ủy Công an tỉnh: Bảo đảm an ninh con người	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Bộ tiêu chí, chỉ số)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
---	---	---	---------------------------------	---	----------------------------	--------------------

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
2	Tổ chức triển khai hệ thống nắm bắt dư luận, nhu cầu xã hội và cảnh báo sớm rủi ro trên nền tảng dữ liệu số, theo thời gian thực	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban hành Hệ thống)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
3	Tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về dân số đến năm 2045 trên cơ sở tổng kết Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030	Đảng ủy Sở Y tế	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045 (Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Tổ chức triển khai các thể chế, cơ chế, chính sách đối với lao động phi chính thức	Đảng ủy Sở Nội vụ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế, chính sách)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
5	Tổ chức triển khai Đề án về phát triển nguồn nhân lực quốc gia gắn với thị trường lao động hiện đại	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Đề án)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
6	Tổ chức triển khai bộ chỉ số giám sát chất lượng nguồn lao động, việc làm bền vững, đào tạo, thu nhập, bảo hiểm xã hội và mức độ hài lòng của người lao động, doanh nghiệp	Đảng ủy Sở Nội vụ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban hành bộ chỉ số)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
IV. Về văn hoá, con người						
1	Tổ chức thực hiện cơ chế thử nghiệm cho các mô hình mới về văn hoá số, sáng tạo nội dung số, nghệ thuật số, du lịch di sản thông minh, kinh tế đêm, không gian sáng tạo	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế thử nghiệm)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
2	Tổ chức thực hiện sản giao dịch sản phẩm văn hoá nghệ thuật trên môi trường số	Đảng ủy Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028 (Theo hướng dẫn của Trung ương)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
3	Phối hợp thực hiện cơ chế tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp; cơ chế tài chính đối với cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Tổ chức thực hiện pháp luật về dinh dưỡng học đường	Đảng ủy Sở Giáo dục và Đào tạo	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban Văn bản luật, Nghị quyết)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
5	Tổ chức thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh quy mô lớn, các sự kiện khẩn cấp về y tế công cộng, thiên tai, thảm họa, an ninh y tế cấp quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ Nhân dân đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	Đảng ủy Sở Y tế	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Kế hoạch)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
6	Tham gia phối hợp nghiên cứu và đề xuất mô hình và Chương trình xây dựng địa phương xã hội chủ nghĩa đến năm 2045	Đảng ủy Sở Nội vụ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
V. Về môi trường sinh thái						
1	Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch phòng, chống thiên tai quốc gia giai đoạn 2026 - 2030 gắn với Chiến lược quốc gia phòng, chống thiên tai đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050	Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành Kế hoạch)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
2	Tổ chức triển khai Chiến lược quốc gia về phát triển công nghiệp môi trường	Đảng ủy Sở Công Thương	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành chiến lược)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
VI. Về quốc phòng, an ninh						
1	Tổ chức triển khai Đề án phát triển các khu kinh tế - quốc phòng gắn với các đảo, vùng biển chiến lược, kết hợp phát triển kinh tế biển, đảo với bảo vệ chủ quyền	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045 (Sau khi Trung ương ban hành Đề án)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
2	Phối hợp xây dựng danh mục các lĩnh vực, hạ tầng và năng lực chiến lược quốc gia cần ưu tiên bảo vệ - kèm phương án bảo đảm khả năng chuyển trạng thái khi có tình huống quốc phòng, an ninh	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
3	Phối hợp xây dựng hạ tầng dữ liệu quốc phòng, hệ thống chỉ huy - điều hành số	Đảng ủy Quân sự tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
4	Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai chính sách đặc thù phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh	1. Đảng ủy Quân sự tỉnh: Lĩnh vực quốc phòng. 2. Đảng ủy Công an Tỉnh: Lĩnh vực an ninh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2027 (Sau khi Trung ương ban hành văn bản chính sách)	Văn bản phối hợp và tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
5	Phối hợp xây dựng hệ thống theo dõi và cảnh báo sớm rủi ro chuỗi cung ứng và công nghệ	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
6	Tổ chức triển khai hiệu quả Chiến lược an ninh quốc gia trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2045	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
7	Phối hợp xây dựng các cơ chế kiểm tra sức chống chịu quốc gia trước các rủi ro an ninh quốc gia	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
8	Phối hợp xây dựng các nền tảng số dùng chung phục vụ quản lý, điều hành, giám sát và dự báo an ninh	Đảng ủy Công an tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước

VII. Về đối ngoại và hội nhập quốc tế

STT	Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể	Cơ quan chủ trì ^(*)	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện	Kết quả / Sản phẩm	Nguồn lực
1	Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai Chiến lược đối ngoại toàn diện ở tầm cao mới	Đảng ủy Văn phòng UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản phối hợp và tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
2	Triển khai hiệu quả nội hàm các khuôn khổ quan hệ đối tác; gắn kết chặt chẽ đối ngoại chính trị với hợp tác kinh tế, thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ và phát triển nguồn nhân lực	Đảng ủy Văn phòng UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Sau khi Trung ương ban hành cơ chế)	Văn bản tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
3	Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai các cơ chế đặc thù thu hút đối tác chiến lược, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức nghiên cứu, chuyên gia và nhân tài quốc tế tham gia các chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại Việt Nam	Đảng ủy Sở Khoa học và Công nghệ	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Văn bản phối hợp và tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Phối hợp nâng cấp, hoàn thiện mạng lưới các đầu mối phụ trách về ngoại giao khoa học, công nghệ, ngoại giao số, dữ liệu và đổi mới sáng tạo	Đảng ủy Văn phòng UBND tỉnh	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030 (Theo đề nghị của cơ quan Trung ương chủ trì)	Văn bản phối hợp	Ngân sách nhà nước
VII. Về nhiệm vụ khác						
1	Kế hoạch của UBND tỉnh thực hiện Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 06/8/2026 của Chính phủ về triển khai Nghị quyết số 19-NQ/TW	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Năm 2026	Kế hoạch hành động	Ngân sách nhà nước
2	Thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền về các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước đã đề ra trong Nghị quyết số 19-NQ/TW	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Các sản phẩm thông tin, tuyên truyền	Ngân sách nhà nước
3	Phối hợp xây dựng và tổ chức triển khai chiến lược hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam trong kỷ nguyên mới	Đảng ủy Sở Tư pháp	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2028	Văn bản phối hợp và tổ chức triển khai	Ngân sách nhà nước
4	Bổ trí nguồn lực để thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong Nghị quyết	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030	Báo cáo	Ngân sách nhà nước
5	Xây dựng Báo cáo tổng kết Chương trình hành động của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW	Đảng ủy Sở Tài chính	Đảng ủy các cơ quan, địa phương	Định kỳ theo chỉ đạo	Báo cáo tổng kết	Ngân sách nhà nước

Ghi chú: ^(*): Các Đảng ủy trực thuộc Đảng ủy UBND tỉnh tham mưu Đảng ủy UBND tỉnh trình Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy theo quy định.